TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2022/DS-PT
Ngày: 31-3-2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh.

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2021/TLPT-DS ngày 23/12/2021 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 166/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2022/QĐ-PT ngày 23/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐ-PT ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Doãn Duy S, sinh năm: 1959; địa chỉ: Đường T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (đã chết ngày 25/02/2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1960; chị Doãn Thị Hải Y, sinh năm: 1986; anh Doãn Nguyễn Hải N, sinh năm: 1989; anh Doãn Nguyễn Hải V, sinh năm: 1991; chị Doãn Nguyễn Hải M, sinh năm: 1993 - Cùng địa chỉ: Đường T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1960 và bà Phạm Thị N, sinh năm: 1960 – Cùng địa chỉ: Đường T, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ông Đ có mặt, bà N vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Doãn Nguyễn Hải V trình bày:*

Hộ gia đình ông Doãn Duy S là chủ sử dụng thửa đất số 180 (cũ 114) tờ bản đồ số 62 (cũ 13) địa chỉ: Xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 668382 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/5/2017. Thửa đất của hộ gia đình ông S có phía đông giáp thửa đất số 113A, tờ bản đồ số 13 của vợ chồng ông Đ – bà N, giáp ranh giữa hai thửa đất là một số cây tạp chủ yếu là cây muồng. Đầu năm 2016, gia đình ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị N làm nhà, trước khi làm có gọi gia đình ông S qua để xác định ranh giới đóng mốc để gia đình ông Đ xây nhà. Hai bên đã cắm mốc và gia đình ông Đ đã xây nhà đúng với ranh giới mà hai bên đã xác định, nhưng sau khi xây xong nhà ông Đ có làm thêm phần sân trước. Trong lúc làm, gia đình ông Đ đã lợi dụng lúc trời tối, gia đình ông S không để ý đã chặt hàng cây muồng và đào gốc, xây lấn qua diện tích đất của gia đình ông S theo hình tam giác chiều rộng mặt đường 0,3m, dài 15,1m; tổng diện tích là 2,265m^2 và có làm 02 mi cửa sổ lấn chiếm phần không gian thuộc diện tích đất của gia đình ông S. Gia đình ông S đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Đ chấm dứt hành vi lấn chiếm, nhưng ông Đ vẫn luôn cho rằng đất ông mua tới đâu thì ông xây tới đó.

Trong đơn khởi kiện, ông S yêu cầu ông Đ, bà N phải trả cho gia đình ông S 03m^2 đất lấn chiếm và tháo dỡ đường ống nước cùng 02 mi cửa sổ. Qua thẩm định tại chỗ, nay ông S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu ông Đ, bà N trả 0,735m^2 đất và phần đường ống nước; Còn lại ông S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà N phải trả phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông S là 2,265m^2 đồng thời buộc ông Đ và bà N phải tháo dỡ phần xây dựng trái phép: 02 mi cửa sổ vùng không gian phía trên bên trái, thuộc đất của gia đình ông S.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đ, gia đình ông S phản đối; Nguồn gốc thửa đất gia đình ông S nhận chuyển nhượng của gia đình ông Phạm Văn C, khi đó trong giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của gia đình ông Chiến ghi diện tích 1810m^2, quá trình sử dụng gia đình ông S không lấn chiếm đất của gia đình ông Đ. Năm 2014 Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành đo đạc lại toàn bộ diện tích và cấp đổi lại Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích sử dụng là 1853m^2.

** Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:*

Năm 2012 vợ chồng ông Đ có nhận chuyển nhượng thửa đất số 113A, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn 8, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, diện tích: 303,7m^2, đất ở 75m^2, còn lại là đất trồng cây lâu năm; vợ chồng ông Đ đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 967093 ngày 29/8/2012.

Phía tây thửa đất nhà ông Đ giáp với vườn cà phê của hộ ông Doãn Duy S, mốc giới giữa 02 thửa đất có nhiều loại cây mọc, phía trước có cọc sắt nhỏ đã bị nhổ lúc nào ông Đ không để ý; còn cây cối thì ông Đ đã dọn đi làm nhà. Khi

giao đất, giữa ông Đ và chủ cũ có xác định ranh giới là lấy hàng cây làm mốc, không rõ cây gì, hiện nay không còn nữa. Năm 2016, gia đình ông Đ xây nhà có ông S đến xác định ranh giới để đào móng, xây tường và ranh giới xây sân; tường là do ông S cắm mốc cho gia đình ông Đ và gia đình ông Đ đã xây theo mốc ông S cắm. Việc gia đình ông S nói ông Đ lợi dụng lúc trời tối, gia đình ông S không để ý đã chặt hàng cây muồng và đào gốc, xây lấn qua diện tích đất của gia đình ông S là 2,265m^2 là không đúng sự thật, 02 mi của sổ gia đình ông Đ làm là thuộc phần đất của gia đình ông Đ nên không đồng ý tháo dỡ. Gia đình ông Đ công khai chặt cây vào ban ngày chứ không vào lúc trời tối như phía ông S trình bày.

Thửa đất nhà ông S có nguồn gốc từ 1994 có diện tích 1810m^2, quá trình sử dụng nhà ông S có lấn diện tích đất của nhà ông Đ chiều rộng 70cm, chiều dài hết đất, diện tích đất lấn chiếm khoảng 35m^2. Sau này ông S đi làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi của gia đình ông S vào năm 2017 có diện tích 1853,2m^2.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông S thì ông Đ không chấp nhận, mà ông Đ kiện phản tố yêu cầu gia đình ông S phải trả cho gia đình ông Đ diện tích đất mà gia đình ông S lấn chiếm là 35m^2. (Có chiều rộng là 70cm, dài 50m).

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, anh Doãn Nguyễn Hải V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền chị Doãn Thị Hải Y, anh Doãn Nguyễn Hải N và chị Doãn Nguyễn Hải M đều đồng ý và cùng có ý kiến như nguyên đơn đã trình bày trên.

Đối với bà Phạm Thị N, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như thông báo tìm kiếm bà N trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng bà N đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bà N được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 180; Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu ông Đ, bà N phải trả 0,735m^2 đất và tháo dỡ đường ống nước.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Doãn Duy S.

Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị N phải trả lại cho ông Doãn Duy S diện tích đất lấn chiếm là 2,265m^2 đất có hình tam giác, có các cạnh: phía Bắc giáp đường T có cạnh dài 0,3m; Phía Đông giáp đất ông Đ có cạnh dài 15,1m; phía Tây giáp đất ông S có cạnh dài 15,1m là một phần đất trong tổng diện tích

đất đã được cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 668382 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/5/2017 đất thuộc thửa số 180 (cũ 114) tờ bản đồ số 62 (cũ 13), đất tọa lạc tại thôn 8, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị N có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm 2,265m^2 gồm: Trụ cổng sắt, hàng rào lưới B40 và tháo dỡ 02 mi cửa sổ bằng tôn, khung sắt rộng 30cm, dài 1,1m trên không gian phần đất của ông Doãn Duy S.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đình Đ về việc yêu cầu yêu cầu gia đình ông Doãn Duy S phải trả cho gia đình ông Đ diện tích đất mà gia đình ông S lấn chiếm là 35m^2. (Có chiều rộng là 70cm, dài 50m)

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/11/2021, bị đơn ông Nguyễn Đình Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu phản tố và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và cho rằng bản án dân sự sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình Đ - Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về cho TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ đã kháng cáo trong thời hạn luật định. Ông Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị N, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do vậy căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

Về thời hạn yêu cầu phản tố: Ngày 15/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Đình Đ làm đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu gia đình ông Doãn Duy S phải trả cho gia đình ông Đ diện tích đất mà gia đình ông S lấn chiếm là 35m^2. (Có chiều rộng là 70cm, dài 50m). Tuy yêu cầu phản tố của bị đơn được thực hiện sau khi thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn để vụ án được giải quyết triệt để. Đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2020 (BL 82) thể hiện, chiều ngang (phần tiếp giáp đường T) của thửa đất 114 có cạnh dài 32,4m, thiếu so với giấy Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 668382 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Doãn Duy S ngày 11/5/2017 là 0,33m. Chiều ngang phần móng nhà của ông Đ có chiều rộng 5,29m, tuy nhiên chiều ngang phần sân xi măng phía trước và có làm hàng rào lưới B40 kéo ngăn cách giữa phần sân nhà ông Đ và phần đất nhà ông S là 5,62m (bao gồm cả chiều rộng phần đất tranh chấp 0,3m), thừa 0,33m so với chiều rộng phần móng nhà đã được các bên thống nhất khi ông Đ xây nhà.

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 26/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: *"kích thước chiều ngang của thửa đất số 113A, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại xã C, thành phố B, số đo phía trước và phía sau là bằng nhau, còn độ dài chính xác là bao nhiêu thì không xác định được"* (BL 93). Như vậy, có đủ căn cứ xác định, phần phía trước phần đất của ông S thiếu 0,33m, tương ứng với chiều rộng phần đất của ông Đ thừa ra. Do đó, toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ.

Tuy nhiên, do diện tích đất lấn chiếm nhỏ (2,265m^2 đất có hình tam giác), việc buộc tháo dỡ phần công trình kiến trúc trên diện tích đất để trả lại phần diện tích đất lấn chiếm gây khó khăn trong công tác thi hành án. Do đó, để đảm bảo bản án được thi hành, không gây thiệt hại đến các phần tài sản khác của đương sự, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn giá trị bằng tiền đối với phần diện tích đất đã lấn chiếm theo biên bản định giá tài sản đề ngày 04/6/2020 với giá 679.500 đồng là phù hợp.

[2.2] Đối với việc xác định phần diện tích đất tương ứng đối chiếu với phần không gian bên dưới mà ông Đ hiện đang xây dựng 02 mi cửa. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, tòa án xác định 02 mi cửa nằm trong phần diện tích đất của ông S, vì vậy Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ tháo dỡ là hoàn toàn phù hợp.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình Đ, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về nghĩa vụ hoàn trả tài sản.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Đình Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình Đ. Sửa một phần Bản án bản án dân sự sơ thẩm số 166/2021/DS-ST ngày 25/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần nghĩa vụ hoàn trả tài sản.

Căn cứ Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự; Các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu ông Đ, bà N phải trả 0,735m^2 đất và tháo dỡ đường ống nước.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Doãn Duy S.

+ Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị N có trách nhiệm phải hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Duy S là bà Nguyễn Thị C; chị Doãn Thị Hải Y; anh Doãn Nguyễn Hải N; anh Doãn Nguyễn Hải V; chị Doãn Nguyễn Hải M giá trị diện tích đất 2,265m^2 là 679.500đồng *(Sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng)*.

+ Ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị N được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 2,265m^2 đất có hình tam giác, có các cạnh: phía Bắc giáp đường T có cạnh dài 0,3m; Phía Đông giáp đất ông Đ có cạnh dài 15,1m; phía Tây giáp đất ông S có cạnh dài 15,1m đã xây dựng công trình kiến trúc trên phần Giấy

chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 668382 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/5/2017 cho hộ ông Doãn Duy S, thuộc thửa số 180 (cũ 114) tờ bản đồ số 62 (cũ 13), đất tọa lạc tại thôn 8, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sau khi thanh toán xong giá trị 2,265m^2 đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S.

+ Buộc ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị N có trách nhiệm tháo dỡ 02 mi cửa sổ bằng tôn, khung sắt rộng 30cm, dài 1,1m trên không gian phần đất của ông Doãn Duy S.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đình Đ về việc yêu cầu yêu cầu gia đình ông Doãn Duy S phải trả cho gia đình ông Đ diện tích đất mà gia đình ông S lấn chiếm là 35m^2. (Có chiều rộng là 70cm, dài 50m).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Duy S là bà Nguyễn Thị C; chị Doãn Thị Hải Y; anh Doãn Nguyễn Hải N; anh Doãn Nguyễn Hải V; chị Doãn Nguyễn Hải M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005085 ngày 21/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Phạm Thị N phải chịu 5.000.000 đồng tiền thẩm định và định giá tài sản được khấu trừ 2.500.000 đồng ông Doãn Nguyễn Hải V đã nộp theo phiếu thu số 42 ngày 25 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và khấu trừ 2.500.000 đồng ông Nguyễn Đình Đ đã nộp theo phiếu thu số 290 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Duy S là bà Nguyễn Thị C; chị Doãn Thị Hải Y; anh Doãn Nguyễn Hải N; anh Doãn Nguyễn Hải V; chị Doãn Nguyễn Hải M được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản sau khi thu tiền của ông Nguyễn Đình Đ, bà Phạm Thị N.

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Doãn Duy S phải chịu 2.425.000 đồng tiền thông báo tìm kiếm người vắng mặt được khấu trừ trong số tiền 2.500.000 đồng ông Doãn Nguyễn Hải V đã nộp theo phiếu thu số 65 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng